ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 68/2026/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 16 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2026/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 370/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 57/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5267/TTr-STC ngày 22 tháng 9 năm 2026;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 11 năm 2026 và thay thế Quyết định số 68/2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Các sở, ban, ngành;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CVTH; Trung tâm Thông tin - Hội nghị;
- Lưu: VT, TH(AD).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Lương Tuấn Hùng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng bao gồm: bình ổn giá; định giá; hiệp thương giá; kê khai giá; kiểm tra yếu tố hình thành giá; tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường; xây dựng, quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II
PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁ

Mục 1. BÌNH ỔN GIÁ

Điều 3. Phân công thực hiện bình ổn giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá; tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này và theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của nhiều sở, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh phân công một sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì thực hiện.

Điều 4. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, sở quản lý ngành, lĩnh vực về hàng hóa, dịch vụ đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá trên cơ sở tiêu chí hàng

hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 1 Điều 4 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 20 Luật Giá, Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện bình ổn giá theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 20 Luật Giá, sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đánh giá diễn biến thực tế, mặt bằng giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này; đề xuất chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

3. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức triển khai thực hiện biện pháp bình ổn giá theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mục 2. ĐỊNH GIÁ

Điều 6. Phân công thực hiện định giá

1. Cơ quan được phân công tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thẩm định phương án giá, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, trong phạm vi địa bàn quản lý, có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, số liệu, hồ sơ theo đề nghị của cơ quan được phân công tại Phụ lục II, phục vụ việc lập, thẩm định phương án giá theo quy định.

3. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, cơ quan được phân công tại Phụ lục II có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về giá và pháp luật chuyên ngành.

Điều 7. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá

Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá, sở quản lý ngành, lĩnh vực tổng kết, đánh giá tình hình cung cầu, diễn biến giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ, thực trạng biện pháp quản lý giá, công tác định giá của Nhà nước; đồng thời đánh giá sự cần thiết của việc điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá trên cơ sở tiêu chí hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Giá số 16/2023/QH15 và khoản 1

Điều 8 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP; lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất điều chỉnh danh mục hàng hóa, dịch vụ.

Mục 3. HIỆP THƯƠNG GIÁ

Điều 8. Hiệp thương giá

Sở quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật Giá số 16/2023/QH15 và pháp luật có liên quan.

Mục 4. KÊ KHAI GIÁ

Điều 9. Phân công thực hiện kê khai giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực theo phân công tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này thực hiện tiếp nhận kê khai giá theo quy định của pháp luật về giá.

2. Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ kê khai giá thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp chưa có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, cơ quan được phân công tại Phụ lục III có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về giá và pháp luật chuyên ngành.

3. Đối với hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương quy định tại Điều 10 Quy định này, sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại Phụ lục III chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ theo quy định.

4. Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

a) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở quản lý ngành, lĩnh vực, cơ quan thuế và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tổng hợp đề xuất của cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận kê khai giá, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, điều chỉnh Thông báo danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền tiếp nhận của địa phương theo quy định.

b) Cơ quan, đơn vị được giao tiếp nhận kê khai giá theo quy định tại khoản 1 Điều này căn cứ danh mục hàng hóa, dịch vụ được phân công tiếp nhận, yêu cầu quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực và yêu cầu tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường để rà soát, lựa chọn tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, đề xuất gửi Sở Tài chính tổng hợp theo quy định tại điểm a khoản này.

Điều 10. Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương

1. Căn cứ yêu cầu, mục tiêu quản lý nhà nước về giá và tình hình thực tế trên địa bàn tỉnh, hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương gồm:

a) Dịch vụ lưu trú;

b) Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước;

c) Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh;

d) Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi;

đ) Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch;

e) Vật liệu xây dựng chủ yếu khác ngoài xi măng, thép thuộc Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước;

g) Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp;

h) Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá**.**

2. Cơ quan tiếp nhận kê khai giá đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo phân công tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này. Việc quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật thực hiện theo khoản 3 Điều 9 Quy định này.

Điều 11. Điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá

1. Trường hợp cần thiết đề nghị điều chỉnh Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá thuộc thẩm quyền của Chính phủ, sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện các nội dung, chuẩn bị hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính theo quy định.

2. Trường hợp cần thiết điều chỉnh hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương trong phạm vi Danh mục quy định tại Mục B Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP, sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá sự cần thiết điều chỉnh, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Mục 5. KIỂM TRA YẾU TỐ HÌNH THÀNH GIÁ

Điều 12. Phân công thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá

1. Sở quản lý ngành, lĩnh vực thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi quản lý trong các trường hợp thuộc thẩm quyền kiểm tra của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 2 Điều 31 và khoản 2 Điều 32 Luật Giá số 16/2023/QH15.

2. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan, sở quản lý ngành, lĩnh vực được giao chủ trì kiểm tra có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá.

Mục 6. TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG

Điều 13. Báo cáo giá thị trường định kỳ

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ của địa phương gửi Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15 và khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC.

2. Phân công các cơ quan, đơn vị thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ, đường ăn thuộc danh mục lương thực, thực phẩm và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục vật tư nông nghiệp theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

b) Sở Xây dựng tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục vật liệu xây dựng và nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục giao thông theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

c) Sở Công Thương tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với mặt hàng khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

d) Sở Y tế tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục dịch vụ y tế theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

đ) Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường trên địa bàn tỉnh đối với học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập và cơ sở giáo dục phổ thông công lập theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

e) Các cơ sở giáo dục đại học công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh cung cấp thông tin về mức học phí, mức giá dịch vụ giáo dục, đào tạo thuộc thẩm quyền quyết định của đơn vị theo yêu cầu của Sở Tài chính theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC;

g) Cơ quan thống kê tỉnh phối hợp cung cấp thông tin về chỉ số giá tiêu dùng (CPI), phân tích diễn biến CPI và các thông tin thống kê có liên quan phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;

h) Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực khác có trách nhiệm cung cấp thông tin, tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của Sở Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền.

i) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục lương thực, thực phẩm trên địa bàn quản lý theo mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục IV và Bảng giá thị trường tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 29/2024/TT-BTC.

3. Các cơ quan, đơn vị được phân công tại khoản 2 Điều này thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường đối với hàng hóa, dịch vụ được phân công; gửi Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo giá thị trường của tỉnh.

4. Nội dung, danh mục hàng hóa, dịch vụ, biểu mẫu, tần suất thực hiện và thời gian chốt số liệu báo cáo giá thị trường định kỳ thực hiện theo quy định của pháp luật về tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường. Thời hạn các cơ quan, đơn vị được phân công tại khoản 2 Điều này gửi báo cáo về Sở Tài chính như sau:

a) Báo cáo tháng: trước ngày 01 của tháng tiếp theo sau tháng báo cáo;

b) Báo cáo quý, 6 tháng, 9 tháng và cả năm: trước ngày 02 của tháng tiếp theo sau tháng cuối cùng của kỳ báo cáo.

Báo cáo 6 tháng, 9 tháng và cả năm được thực hiện đồng thời với báo cáo quý II, quý III và quý IV tương ứng.

Điều 14. Phân công thực hiện báo cáo giá thị trường đột xuất

1. Giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường đột xuất của địa phương theo yêu cầu của Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 3 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 44/2025/TT-BTC; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo giá thị trường tổng hợp đột xuất trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu.

2. Các sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường, xây dựng báo cáo giá thị trường chuyên ngành đột xuất thuộc lĩnh vực quản lý; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ khi có yêu cầu; gửi báo cáo theo yêu cầu phối hợp của Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và xây dựng báo cáo giá thị trường thuộc địa bàn quản lý; gửi Sở Tài chính hoặc sở quản lý ngành, lĩnh vực theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

4. Thời gian chốt số liệu báo cáo, thời hạn gửi báo cáo phải bảo đảm kịp thời phục vụ việc tổng hợp báo cáo theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các Bộ quản lý ngành, lĩnh vực.

Chương III

KIỂM TRA VIỆC CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VỀ GIÁ, THẨM ĐỊNH GIÁ

Điều 15. Phân công thực hiện kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính, các sở quản lý ngành, lĩnh vực kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc; kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi, lĩnh vực quản lý theo nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá được phân công tại Quy định này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và địa bàn quản lý, có trách nhiệm theo dõi tình hình chấp hành pháp luật về giá; phối hợp, cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ hoạt động kiểm tra; trường hợp phát hiện vi phạm hoặc dấu hiệu vi phạm thì kịp thời phản ánh, đề nghị cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, xử lý theo quy định.

Điều 16. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra quy định tại khoản 1 Điều 15 Quy định này có trách nhiệm xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, ban hành kế hoạch kiểm tra theo quy định.

2. Trong quá trình xây dựng kế hoạch kiểm tra, cơ quan được giao nhiệm vụ kiểm tra phối hợp với Thanh tra tỉnh và các cơ quan có liên quan để rà soát, hạn chế chồng chéo, trùng lặp về đối tượng, nội dung và thời gian kiểm tra. Trường hợp có nội dung chưa thống nhất thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Việc điều chỉnh kế hoạch kiểm tra, ban hành quyết định kiểm tra, tổ chức thực hiện kiểm tra, báo cáo kết quả và xử lý sau kiểm tra thực hiện theo quy định của pháp luật về giá, thẩm định giá và pháp luật có liên quan.

Chương IV

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ GIÁ

Điều 17. Xây dựng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xây dựng, nâng cấp, quản lý Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định.

Điều 18. Quản lý, khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính chủ trì tổ chức quản lý, vận hành, duy trì và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương; tổ chức thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về giá theo quy định.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Tài chính trong việc quản lý, vận hành và khai thác Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo phạm vi nhiệm vụ được phân công.

Điều 19. Cập nhật thông tin, dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật các thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định, trong đó gồm:

a) Báo cáo giá thị trường tổng hợp của tỉnh;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc phạm vi quản lý theo nhiệm vụ được phân công;

c) Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên địa bàn tỉnh;

d) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Sở Tài chính quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

đ) Mức giá của hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công do sở quản lý ngành, lĩnh vực xác định khi thực hiện hiệp thương giá;

e) Các thông tin, dữ liệu khác thuộc trách nhiệm cập nhật theo quy định của pháp luật.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật các thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định, trong đó gồm:

a) Giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá thuộc phạm vi nhiệm vụ được phân công;

b) Giá hàng hóa, dịch vụ kê khai của các tổ chức kinh doanh thuộc phạm vi được phân công tiếp nhận kê khai giá;

c) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do sở quản lý ngành, lĩnh vực quyết định thành lập hoặc tham mưu cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập;

d) Các thông tin, dữ liệu khác thuộc trách nhiệm cập nhật theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm cung cấp, cập nhật các thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi quản lý vào Cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương theo quy định, trong đó gồm:

a) Thông báo kết quả thẩm định giá của Hội đồng thẩm định giá do Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập;

b) Các thông tin, dữ liệu khác thuộc trách nhiệm cập nhật theo quy định của pháp luật.

Chương V
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì theo dõi, đôn đốc việc tổ chức thực hiện Quy định này; tổng hợp khó khăn, vướng mắc, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

2. Các sở quản lý ngành, lĩnh vực, Ủy ban nhân dân các xã, phường căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm triển khai, phổ biến Quyết định này đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được giao thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý.

3. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

4. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, xử lý theo thẩm quyền./.

Phụ lục I

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TỔ CHỨC THỰC HIỆN BÌNH ỔN GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện bình ổn giá
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế

Phụ lục II

THẨM QUYỀN, HÌNH THỨC ĐỊNH GIÁ VÀ PHÂN CÔNG CƠ QUAN THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
5	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Nước sạch		
7.1	*Nước sạch thuộc hệ thống cấp nước đô thị*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể*	*Sở Xây dựng*
7.2	*Nước sạch thuộc hệ thống cấp nước nông thôn*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể*	*Sở Nông nghiệp và Môi trường*

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
8	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn chi thường xuyên và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
9	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu), trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế
10	Dịch vụ điều trị nghiện bằng thuốc thay thế tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu), trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế
11	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Ủy ban nhân dân tỉnh theo lĩnh vực định giá khung giá, giá tối đa, giá cụ thể tùy dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
12	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá	Sở Nông nghiệp và Môi trường
13	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
14	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
15	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Xây dựng
16	Dịch vụ vận chuyển hành khách trên đường sắt địa phương	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
17	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng		
17.1	*Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và dịch vụ vệ sinh công cộng áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở cung cấp dịch vụ (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu)*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa*	*Sở Nông nghiệp và Môi trường*
17.2	*Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp, hộ gia đình, cá nhân sử dụng dịch vụ*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể*	*Sở Nông nghiệp và Môi trường*
18	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
19	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng
20	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Thẩm quyền, hình thức định giá	Cơ quan thực hiện thẩm định phương án giá
21	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá tối đa	Sở Tư pháp
22	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (trừ trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá)	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Công Thương
23	Máu toàn phần và chế phẩm máu đạt tiêu chuẩn, trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế
24	Dịch vụ kiểm nghiệm mẫu thuốc, nguyên liệu làm thuốc tại đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm dịch vụ công không sử dụng ngân sách nhà nước, dịch vụ theo yêu cầu), trừ các đơn vị thuộc thẩm quyền định giá của Bộ Y tế, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an	Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể	Sở Y tế
25	Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao và cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước		
25.1	*Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghiệp, khu kinh tế đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể*	*Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh*
25.2	*Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong khu công nghệ số tập trung, khu công nghệ cao đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể*	*Sở Khoa học và Công nghệ*
25.3	*Dịch vụ sử dụng hạ tầng trong cụm công nghiệp đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước*	*Ủy ban nhân dân tỉnh định giá cụ thể*	*Sở Công Thương*

Phụ lục III

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 11năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
A	**Hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá trên phạm vi cả nước**	
I	**Hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá**	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Môi trường
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
7	Vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	**Hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định giá cụ thể bán cho người tiêu dùng**	
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Xây dựng
5	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Môi trường
6	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Xây dựng
7	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
III	**Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành**	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Công Thương
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Môi trường
10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Môi trường

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Cơ quan tiếp nhận kê khai giá
11	Dịch vụ vận chuyển hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Xây dựng
12	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
13	Thiết bị y tế	Sở Y tế
14	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
B	**Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá tại địa phương**	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Xây dựng
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Xây dựng
6	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
7	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Môi trường
8	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương